

Bản án số: 204/2020/HS-ST

Ngày: 23-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM-TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Loan Trần Hải Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đào Thị Giang
2. Ông Đặng Quang Hoạch

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 201/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990, tại Bạc Liêu

Nơi cư trú: Ấp 17, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ái Châu, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án: Ngày 24/8/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 12 thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 27/9/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt tuyên buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành mức án 05 năm tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/3/2015. Hiện nay bị cáo vẫn chưa chấp hành xong nghĩa vụ nộp án phí và bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không.

Ngày 23/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Ngày 28/02/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bắt khẩn cấp. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an

huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. (Bị cáo có mặt)

2. **Nguyễn Thanh S** - Sinh năm 1992, tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Ấp 17, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có vợ là Sơn Thị Diễm Hương, sinh năm 1996 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Bị cáo bị bắt ngày 09/01/2020. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. (Bị cáo có mặt)

- *Bị hại:*

1/ Chị **Châu Thị B**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1996. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, đường Hà Huy Giáp, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

3/ Chị **Tổng Thị T**, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: 186/18A, đường Trần Thị Cờ, phường A, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Anh **Phạm Thái Q**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 109, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh **Bùi Tấn Đ**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh **Lê Minh Đ**, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh S là những đối tượng không có việc làm ổn định, để có tiền tiêu xài, T và S đã thực hiện nhiều vụ Cướp tài sản và Trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Trảng Bom, cụ thể như sau:

+ Vụ thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ ngày 15/11/2019, S điều khiển xe mô tô hiệu Exciter (không rõ biển số) chở T lưu thông trên đường Quốc lộ 1A để tìm người cướp tài sản. Khi đến khu vực trạm cân Dầu Giây thì phát hiện chị Nguyễn Thị Thu H điều khiển xe mô tô hiệu Airblade màu xám, biển số 38P1-247.09 bị té xe nên T và S giúp đưa chị H về nhà, T chở chị H bằng xe của chị H còn S chạy xe mô tô của S, khi đến khu vực khu dân cư thuộc khu phố 4, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom thì chị H yêu cầu dừng xe nên T nảy sinh ý định cướp tài sản của chị H, T dừng xe bên vỉa hè còn S dừng xe nổ máy sẵn chờ cách chỗ chị H khoảng 10 mét, chị H lấy điện thoại hiệu Iphone 7 plus gọi về nhà thì bị T dùng tay giật lấy, chị H la lên thì T lấy ra 01 con dao tự chế dài khoảng 30 cm đe dọa

và kẹp cổ chị H, thấy chị H ngắt xiu thì T lấy xe mô tô hiệu Airblade và điện thoại di động Iphone 7 plus 32G của chị H rồi cùng S chạy về phòng trọ của S tại ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom. Tại đây T kiểm tra cốp xe của chị H thì thấy có số tiền 500.000 đồng, T đã cho S 500.000 đồng và T bán điện thoại Iphone 7 plus 32G cho một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) được 2.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết, còn xe mô tô biển số 38P1-147.09 của chị H thì S gỡ biển số ra và lấy biển số xe 47D1-439.15 có sẵn trong phòng trọ thay vào, sau đó T điều khiển xe của chị H chạy đến tiệm sửa xe của Lê Minh Đ để nhờ sơn lại xe thành màu đỏ đen. Đến ngày 15/01/2020 anh Đ biết chiếc xe mô tô hiệu Airblade do T đem đến sửa là tài sản phạm pháp nên tự nguyện đem chiếc xe mô tô trên đến giao nộp cho Công an huyện Trảng Bom.

**Vật chứng thu giữ:** 01 xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ, đen gắn biển số 47D-439.15.

Theo Bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom thì 01 xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ, đen biển số 38P1-247.09 trị giá 25.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus 32G trị giá 7.500.000 đồng.

+ Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 28/12/2019, S điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) chở T lưu thông trên Quốc lộ 1A theo hướng từ Long Khánh về Biên Hòa, khi đến khu công nghiệp Bàu Xéo, huyện Trảng Bom thì phát hiện chị Tống Thị T điều khiển xe mô tô hiệu SH Mode, biển số 59G1-911.86 lưu thông phía trước cùng chiều, trên xe chị T có 01 ba lô nên S điều khiển xe áp sát bên trái xe chị T để T dùng tay giật ba lô của chị T, do ba lô của chị T gắn vào móc treo trên xe nên làm chị T bị ngã xe, lúc này S dừng xe lại còn T đi bộ lại để giật lấy ba lô thì bị chị T giữ lại nên T đã dùng tay đánh mạnh vào tay chị T để cướp ba lô, sau đó T lên xe của S tẩu thoát. Sau khi cướp được ba lô của chị T thì T kiểm tra thấy có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 32G, số tiền 4.300.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân, T chia cho S 300.000 đồng còn số tiền 4.000.000 đồng và điện thoại di động Iphone 7 plus 32G T bán và tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom thì 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus 32G của chị Tống Thị T có trị giá 4.000.000 đồng.

+ Vụ thứ ba: Vào khoảng 02 giờ ngày 31/12/2019, T đem theo một cây gậy sắt 03 khúc và điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) đến rủ S đi cướp tài sản thì S đồng ý. T đã giao xe cho S điều khiển chở T lưu thông trên đường liên xã Sông Trầu-Cây Gáo. Khi đến đoạn đường thuộc ấp 6, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom thì phát hiện chị Châu Thị B đang điều khiển xe mô tô hiệu Future biển số 60B8-477.81 lưu thông phía trước cùng chiều nên S điều khiển xe áp sát chị B còn T ngồi sau dùng gậy sắt đập 01 cái trúng vào vai chị B làm chị B ngã xuống đường nên T xuống xe và đến lấy xe của chị B rồi cùng S chạy về phòng trọ của S. Tại đây S tháo biển số xe của chị B ra rồi gắn biển số xe 60B8-472.06 (do T để sẵn trong phòng của S) vào xe chị B để sử dụng. Ngày

08/01/2020, trong lúc S đang điều khiển xe mô tô của chị B thì bị Công an huyện Trảng Bom phát hiện mời về làm việc.

**Vật chứng thu giữ:** 01 xe mô tô hiệu Future biển số 60B8-472.06; 01 biển số xe 60B8-477.81.

Theo Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom thì 01 xe mô tô hiệu Future biển số 60B8-477.81 của chị Châu Thị B trị giá 18.000.000 đồng.

+ Vụ thứ tư: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/03/2018, Nguyễn Thanh S đi bộ đến tiệm Internet Gygabyte thuộc ấp Quảng Đà, xã Đông Hòa, huyện Trảng Bom do anh Trương Đức H làm chủ để chơi game. Đến khoảng 4 giờ ngày 19/3/2018, S đi về thì phát hiện xe mô tô biển số 60B8-627.56 của anh Phạm Thái Q là khách đến chơi game dựng ở ngoài sân không ai trông coi nên S nảy sinh ý định trộm cắp xe của anh Q. S đã lén lút dắt xe của anh Q ra ngoài rồi nổ máy chạy lên ngã tư Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một đối tượng tên Đ (không rõ nhân thân lai lịch) được 3.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom thì 01 xe mô tô hiệu Wave, biển số 60B8-627.56 có trị giá 12.000.000 đồng.

Sau khi bị cướp tài sản, chị Châu Thị B, chị Nguyễn Thị Thu H đã đến Công an huyện Trảng Bom trình báo.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh S để điều tra. Quá trình điều tra, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu các bị cáo T và S phải bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; chị Tống Thị T yêu cầu các bị cáo T và S bồi thường số tiền 12.300.000 đồng; anh Phạm Thái Q yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 12.000.000 đồng nhưng hiện nay các bị cáo chưa bồi thường.

Bản cáo trạng số 216-CT/VKS-TB ngày 07/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Lê Minh Đ khi được bị can T nhờ đến sơn lại xe mô tô hiệu Airblade, anh Đ không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý.

Đối với đối tượng tên Đ mua xe của S, do không biết nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 08 (tám) năm 04 (bốn) tháng tù đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh S bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H, chị Tống Thị T theo quy định; Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S bồi thường cho anh Phạm Thái Q theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

\* Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo T không nói lời nói sau cùng

Bị cáo S: Trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã rất ăn năn, hối hận về hành vi của bị cáo. Mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo quay về lo cho các con và cha mẹ già.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của các bị hại, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 15/11/2019 đến 31/12/2019, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh S đã có hành vi sử dụng xe mô tô, dao, gây sát nhằm tấn công để cướp tài sản của người đi đường, cụ thể như sau: Ngày 15/11/2019, cướp của chị Nguyễn Thị Thu H 01 xe mô tô biển số 38P1-247.09; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus 32G và số tiền 500.000 đồng (tổng trị giá 33.000.000 đồng); Ngày 28/12/2019, cướp của chị Tống Thị T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 32G, số tiền 4.300.000 đồng (tổng trị giá 8.300.000 đồng); Ngày 31/12/2019, cướp của chị Châu Thị B 01 xe mô tô hiệu Future biển số 60B8-477.81 (trị giá 18.000.000 đồng). Như vậy tổng giá trị tài sản mà T và S cướp được là 59.300.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 18/3/2018, Nguyễn Thanh S có hành vi lén lút trộm cắp của anh Phạm Thái Q 01 xe mô tô biển số 60B8-627.56 (trị giá 12.000.000 đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh S đã phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo trong việc phạm tội cướp tài sản mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn. Bị cáo T là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi nên có vai trò cao hơn. Bị cáo S là người giúp sức chở bị cáo T đi cướp tài sản.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu các bị cáo T và S phải bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; chị Tống Thị T yêu cầu các bị cáo T và S bồi thường số tiền 12.300.000 đồng; anh Phạm Thái Q yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Xét thấy trong các vụ “Cướp tài sản” vai trò của bị cáo T cao hơn, lỗi của bị cáo T cao hơn bị cáo S nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị H và chị T mức cao hơn bị cáo S, cụ thể:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), trong đó nghĩa vụ liên đới được chia theo phần như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Tống Thị T số tiền 12.300.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó nghĩa vụ liên đới được chia theo phần như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Phạm Thái Q số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng)

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến*

100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo không có việc làm nên không có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô hiệu Airblade cho chị Nguyễn Thị Thu H; Trả lại cho chị Châu Thị B 01 xe mô tô hiệu Future biển số 60B8-477.81 nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với biển số xe 47D1-439.15, qua xác minh là của anh Nguyễn Văn Q, anh Q cho biết bị mất xe mô tô với biển số trên tại thành phố Biên Hòa vào khoảng tháng 10/2019, anh Q không trình báo cơ quan công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom thông báo đến Công an thành phố Biên Hòa để điều tra xử lý theo thẩm quyền nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với biển số xe 38P1-247.09 của chị H, do sau khi cướp được xe của chị H, T đã vứt bỏ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ thu hồi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với biển số xe 60B8-472.06, qua xác minh là của anh Lê Nhật T, vào tối ngày 03/10/2019 anh T để xe bên lề đường thuộc khu phố 4, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom thì bị mất. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số), có số khung: RLCUE3240JY213582, số máy: E3X9E-573734 mà T và Trung sử dụng để đi cướp giật tài sản vào ngày 30/12/2019 là do Nguyễn Văn T mua lại của một người không rõ lai lịch, địa chỉ. Ngày 27/01/2020, khi T đang dừng xe tại khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom thì thấy Công an thị trấn Trảng Bom đi tuần tra nên đã vứt xe bỏ chạy. Qua xác minh thì chiếc xe mô tô trên là của anh Bùi Tấn Đ, vào khoảng tháng 09/2019, anh Đ cho mẹ là bà Cao Thị T mượn để sử dụng thì bị mất trộm tại khu vực Trạm cân Dầu Giây thuộc khu phố 1, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô hiệu Exciter sử dụng trong vụ cướp tài sản của chị H là do T mượn của một người bạn không rõ nhân thân, lai lịch, sau khi sử dụng xong T đã trả lại nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để thu hồi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 con dao tự chế dài khoảng 30 cm mà T dùng để khống chế chị H và 01 cây gậy sắt dùng đánh chị B sau khi thực hiện hành vi phạm tội T đã làm rớt mất nên không có căn cứ thu hồi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với các điện thoại di động mà T và S dùng để trao đổi khi thực hiện hành vi cướp tài sản, các bị cáo đã làm mất nên không có căn cứ thu hồi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với các điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 32G của chị Nguyễn Thị

Thu H và chị Tống Thị T do bị cáo Nguyễn Văn T đã bán cho những đối tượng không rõ nhân thân lai lịch nên không có căn cứ thu hồi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Cướp tài sản”.
  - Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 08 (tám) năm tù.
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;
- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
  - Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 10 (mười) tháng tù.
  - Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (tám) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), trong đó nghĩa vụ liên đới được chia theo phần như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Tống Thị T số tiền 12.300.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó nghĩa vụ liên đới được chia theo phần như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường số tiền 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Phạm Thái Q số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng)

Kể từ khi người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án đối với các số



tiền nêu trên, nếu các bị cáo chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 665.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, chị Nguyễn Thị Thu H, chị Tống Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại chị Châu Thị B, anh Phạm Thái Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Tấn Đ, anh Lê Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Loan Trần Hải Yến**